

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV 1

Date: 10 AUGUST 1988
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road..
Bangkok Thailand
10120

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

- Name
Họ, tên : LÊ-QUANG-VIỆNG Sex: Male
Phái
- Other Names
Họ, tên khác : _____
- Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 20 JULY 1933 (TÂN-AN) VINH LONG South V.N
- Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 9 ĐẠI-LỘ HÙNG-VƯƠNG (THỊ XÃ SÁĐEC) ĐỒNG THÁP
VIỆT NAM (NGANG CÔNG TY DU LỊCH)
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 9 ĐẠI LỘ HÙNG VƯƠNG (SÁĐEC) ĐỒNG THÁP
(Ngang Công Ty Du Lịch) VIỆT NAM
- Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : ELECTRONIC HOME REPAIR

B. Relatives To Accompany Me/Dã con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. PHAM - THI-SANG	(10/12/1935)	xã PHU-KIA VINH LONG	Male		WIFE
2. LÊ THI-PHUONG-THAO	(1/9/1965)	SÁĐEC	GIRL	UNMARRIED (S)	MY CHILDREN
3. LÊ-THI-THIÊN-DUYÊN	(1/5/1968)	SÁĐEC	GIRL	UNMARRIED (S)	
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-tình, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên LÊ THỊ-KIM HEATHER

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình SISTER

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ Before 30/4/1975

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên LÊ-THỊ-YẾN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình SISTER

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha LÊ-QUANG-KINH (LIVING)

2. Mother
Mẹ NGUYỄN-THỊ-LUU (dead)

3. Spouse
Vợ/Chồng PHẠM THỊ SANG

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái: (1) LÊ THỊ PHUONG-THAO

(2) LÊ THỊ THIÊN-DUYÊN

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) LÊ-THỊ-YẾN AUCU de France PARIS FRANCE

(2) LÊ-THỊ NGUYỄN-THAO

(3) LÊ-QUANG-DUC MASTER SERGEANT NAVY REPUBLIC OF VN

(4) LÊ-THỊ-TRUNG 146 LE LAI QUAN 3 TP HO CHI MINH

(5) LÊ-THỊ NINH

(6) LÊ-THỊ-KIM HEATHER 4229. SE 183rd SEATTLE WA 98188 US

(7) LÊ-QUANG-TRUNG 2nd LIEUTENANT NAVY

(8) LÊ-THỊ THU-VÂN (dead)

(9) LÊ-THỊ THU-HÀ

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: 1) LÊ-QUANG-VIỆNG
2) PHAM-THI-SANG (elementary school teacher from 1957 to 30/4/75)

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 11 January 1953 Đến 30 APRIL 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng 1st LIEUTENANT Serial Number: 53/600.065
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung: 4TH AIR DIVISION TRẦN QUỐC (CANTHO)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: L¹ Colonel NGUYỄN CAO-NGUYỄN
L¹ Colonel LÊ-VĨNH-QUANG
L¹ Colonel NGUYỄN-MANH ĐỨC
Second Lieutenant ĐĂNG-TỬ-HAI

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

NO

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

FROM 1963 - 1968: SGT ARMSTRONG - SGT MAC GRAW
SGT BEAU LIEU - SGT HARPER - CAPTAIN BURT (My
VNAF ADVISORS PHOTO PROCESSING CENTER TAN SON NHAT
AIR BASE
AVIONICS OFFICER MAP CORPS (TO 149-73)
DAC LITH LADERS NUMBER 149-73

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hòa-Kỹ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

CERTIFICATE

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

AVIATION

Ngày nhận:

31 AUGUST 1973

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☒ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: LÊ-QUANG-VIỆNG

2. School and School Address:

AIR TRAINING CENTER

Trường và địa-chỉ nhà trường: LOWAY AIR FORCE BASE (DENVER COLORADO)
U.S.A

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ: 25 Apr 1973 Đến: 31 AUGUST 1973

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

AVIONICS OFFICER/MAP CORPS WSON: 8154

MASL: D142013 Proj: VS-73-101-S

Invitational travel order 149-73

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện? : US AIR FORCE

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☒)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: LÊ-QUANG-VIỆNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ: 20/6/1975 Đến: 10/8/1977

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks/Ghi chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

10/8/1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. 1 copy of release certificate

2. 1 copy of CERTIFICATE OF TRAINING

3. 1 CERTIFICATE OF MARRIAGE

4. 2 CERTIFICATES OF MY DAUGHTERS' BIRTH

Kính thưa Ông

Chị làm ơn giúp đỡ cho chúng tôi
được sang Mỹ với tư cách trở về
Chính quyền Mỹ đối với những sĩ quan
VNCH đã bị di tản cải tạo

Đặt cần xin cho


Lê Quang Viễn

Sau đó ngày 10 tháng 8/1989

Chở thân mến!

Chở còn nhớ Sang, cô gái
của cháu Phúc Tuệ không (^{Sang}), người
bạn ngày xưa của Chở...! Đón viết
thư này muốn nhờ Thờ giúp đỡ
việc sau đây:

Chồng tôi là Lê Quang Viễn,
thiếu úy không quân trước đây,
làm việc ở Tân Sơn Nhất và
phụ trường Trà Nóc, anh ấy
đã đi du học ở Pháp rồi
sau đó ở Mỹ. Đến ngày
30/4/1975 giải phóng... chồng
tôi đi học tập cải tạo 1 thời
gian. Hiện nay nghe nói có
chính sách của chính phủ Mỹ
thỏa thuận, đồng ý với chính
phủ Việt Nam về việc cho
bình lính ^{sĩ quan} cải tạo cũ có đi học
ở Hoa Kỳ được định cư sang

Mỹ.
Chồng tôi có đầy đủ giấy tờ chứng
minh và vợ đã đi học ở khắp
Hoa Kỳ và giấy tờ đi học tập
cải tạo.

Vậy Sang nhờ Thờ giúp đỡ
cho gia đình tôi về quê được
đi về sang Mỹ sớm vì gia
đình tôi hết sức chịu đựng
nỗ lực rồi Thờ ơi! Thờ,
nó ít những ^{chắc} Thờ ^{chắc} nhiều nhiều
phải không Thờ.

Kèm theo thư này tôi có gửi
tất cả các giấy tờ cần thiết.

Nếu có vấn đề gì thiếu sót,
mong Thờ gửi thư cho Sang
bớt được không? Sang ghi địa
chỉ nhà sau đây nhé.

PHẠM THỊ SANG
Nhà số 09 Đại lộ Hùng Vương
Thị xã Sàdec, tỉnh Đồng Tháp
Miền Nam nước Việt Nam

Tôi và gia đình vô cùng và tha thiết
mong được Thờ giúp đỡ. Ở bên
này Sang và các bạn nghe nói Thờ
luôn sẵn sàng giúp đỡ người đồng
hướng. Hôm trước nghe nói Thờ
về Việt Nam ghé tại thành phố
Hố Chí Minh, Sang có lên sân đi
ghé đến nhưng nghe lại không có!
Sang mong rằng Thờ sẽ cũng phải
đoàn của chuyến phi Mỹ về Việt Nam
nếu Thờ ghé qua Sàdec, có lẽ
sẽ có rất nhiều lời thư phong ^{lên}
xe phản ánh tâm lý nhiều điều muốn
nói...

Thờ, Sang xin đừng bớt, rất
trông tin của Thờ, cầu chúc
mọi điều tốt lành luôn đến với
Thờ và gia đình.

Người bạn cũ


Phạm Thị Sang

xin xem trang sau →

BỘ TƯ LÍNH QUÂN KHU 9

— Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính ngụy quân và nhân viên ngụy quyền.

— Xét tình thân học tập cải tạo của LÊ QUANG VIỆT nguyên là thiếu úy ngụy quân, trong thời gian qua tỏ ra biết

ân năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.

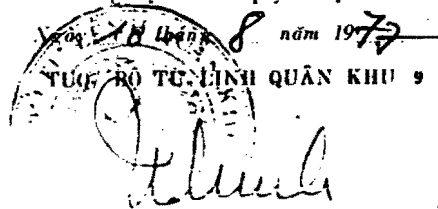
— Xét đơn xin bảo lãnh của V.P. Phạm Văn Sang ở ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh đối với sỹ quan ngụy có tên nói trên. Đức Thái Xã Sa Đức

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Cho LÊ QUANG VIỆT nguyên là thiếu úy ngụy quân được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn anh Việt phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là một năm. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Phòng quản huấn Quân khu. Trại quản huấn Lưu Trại 3 và đương sự chiếu quyết định thi hành.



CHỈ CHỮ

Giấy này không có giá trị di động.

- Trong thời gian quản chế, việc quy định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường, quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

- 1 — Phòng quản huấn Quân khu.
- 1 — Trại quản huấn
- 1 — Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan.
- 1 — Đương sự.

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

TO : THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 SOI TIAN SEANG, SOUTH CATHORN ROAD, BANGKOK 10120

THAILAND

Subject : Request for Immigration to the United States of America
under The Orderly Departure Program

Dear Sir,

1. I, the undersigned LÊ-QUANG VIỄN 2. Regimental number : 4 AIR DIVISION 53/600.085
3. Date and country of Birth : 20/7/1933 V.N.A.F.
4. Nationality : VN 5. Religion : Bouddhist
6. Sex : MALE ☒ FEMALE ☐ 7. Family status : MARRIED
8. Home address : 9 ĐAI LÔ HÙNG-VŨNG (NGANG CÔNG TY DULICH) SAĐEC
TỈNH ĐỒNG THÁP SOUTH VIET NAM
9. Military education : CAMERA REPAIR SHOP CHIEF - RADIO SHOP CHIEF (AVIONICS OFFICER)
10. Job title/Grade : 1st LIEUTENANT
11. Armed Forces Branch of service : VN AIR FORCE
12. Unit : 4th AIR DIVISION TRẦN QUỐC CANTHO AIR BASE
13. Place worked : 4th AIR DIVISION
14. Civilian education : HIGH SCHOOL
15. Civilian occupation : STUDENT
16. Travel/Education outside Vietnam : FRANCE BASE ECOLE 721 ROCHEFORT AIR TR. CENTER
LOWRY AFB DENVER COLORADO
17. US. closest relative : LÊ THỊ KIM HEATHER 4229 So 181st SEATTLE, WA 98148 USA
18. US. Acquaintance : _____
19. After April 30, 1975, spent in reeducation 2 /years 4 /months.
Released from LIEN TRAI 3 Camp on 8 /month 10 /day 1977 /year.
20. Reference : QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VN T. 212/QĐ 10/8/1977

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian Act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list :

FULL NAME	SEX	Year of Birth	Married?	Relationship	Address
1. LÊ-QUANG VIỄN	M / X	1933	YES / NO	to me	9 ĐAI LÔ HÙNG-VŨNG
2. PHAM-THI-SANG	M / F	1935	YES / NO	WIFE	Ngang Công Ty DULICH
3. LÊ THỊ PHƯƠNG THAO	M / F	1965	YES / NO	UNMARRIED	SAĐEC ĐỒNG THÁP
4. LÊ THỊ THIÊN DUYÊN	M / M	1968	YES / NO	CHILDREN	VN
5.	M / F		YES / NO		
6.	M / F		YES / NO		
7.	M / F		YES / NO		
8.	M / F		YES / NO		
9.	M / F		YES / NO		
10.	M / F		YES / NO		
11.	M / F		YES / NO		

We would be deeply grateful to You for hearing from You soon.

Respectfully and thankfully yours,

SAIGON, 10/8/1988

Signature of Applicant

ENCLOSURES :

SỐ HIỆP 751

HỒ SƠ Quân-nhân

KHAI SANH

Tên họ ác nhi :	Lê-thị - Thiên-Duyên
Phái :	Nữ
Sinh :	Một tháng 5 d.1.1968
Ngày, tháng, năm	
Tại :	Bảo sanh-viên Sadec
Cha :	Lê-quang-Viêng
Tên họ	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề :	Quân-nhân
Cư-trú tại :	K.B.C; 3100
Me :	Phạm-thị-Sang
Tên họ	
Tuổi :	33 tuổi
Nghề :	Giáo-Viên
Cư-trú tại :	Tân-vĩnh-hòa Sadec
Vợ :	Vợ chánh
Chánh hay thứ	
Người khai :	Phạm-tòng-Bá
Tên họ	
Tuổi :	68 tuổi
Nghề :	Đông-Y-sĩ
Cư-trú tại :	Tân-vĩnh-hòa
Ngày khai :	03 tháng 5 d.1.1968
Người chứng thứ nhất :	Âu-trường-Kỷ
Tên họ	
Tuổi :	58 tuổi
Nghề :	Nghiệp-Chủ
Cư-trú tại :	Tân-vĩnh-hòa
Người chứng thứ nhì :	Phùng-văn-Nguyên
Tên họ	
Tuổi :	57 tuổi
Nghề :	Phó-ấp
Cư-trú tại :	Tân-vĩnh-hòa Vĩnh-Hiệp

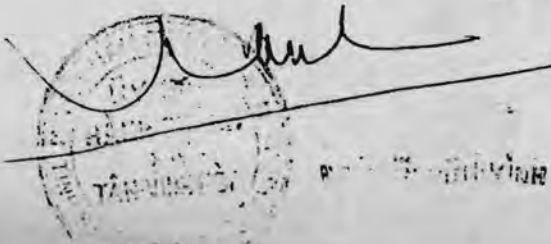


5/1/68
Tân-vĩnh-hòa

5/1/68
Tân-vĩnh-hòa

Lập tại xã Tân-vĩnh-hòa ngày 03 tháng 5 1968
 Người khai, Chủ tịch kiêm Hộ tịch Nhân chứng

Ký-tên: Bá Ký-tên: Kinh Ký-tên: Kỷ
 Nguyễn



NAM - VIỆT
(SUD VIỆT-NAM)

QUỐC - GIA VIỆT - NAM
(ÉTAT DU VIỆT - NAM)

Quận **SADEC**
(Délégation)
Tổng **AN-TRUNG**
(Canton)
Làng **Tân-Vĩnh-Hòa**
(Village)

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM

(ÉTAT CIVIL VIÉTNAMEIEN)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM **1965-**
(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)
LÀNG **Tân-Vĩnh-Hòa** TỈNH **Vĩnh-Long** (NAM - VIỆT)
(Village) (Province) (Sud Việt-Nam)
NĂM **1965-** SỐ HIỆU **2024-**
(Année) (Acte No)

Tên họ đứa con nít «Nom et prénoms l'enfant»	LÊ-THỊ PHƯƠNG-THẢO
Nam hay nữ «Sex de l'enfant»	Nữ
Sanh ngày nào «Date de naissance»	01 tháng 9 đl: 1965
Sanh tại chỗ nào «Lieu de naissance»	Bảo sanh viện SADEC
Tên, họ cha «Nom et prénoms du père»	LÊ-QUANG-VIỆNG
Cha làm nghề gì «Sa profession»	Quản nhơn
Nhà cửa ở đâu «Son domicile»	Tân-Vĩnh-Hòa
Tên họ mẹ «Nom et prénoms de la mère»	PHẠM-THỊ-SANG
Mẹ làm nghề gì «Sa profession»	Giáo viên
Nhà cửa ở đâu «Son domicile»	Tân-Vĩnh-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ «Son rang de femme mariée»	Vợ chánh

Chúng tôi
Nous
Quận-Trưởng quận **SADEC**
Délégué Administratif
Chứng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
Certifions l'authenticité des signatures opposées ci-contre des
Ủy Ban Hành chánh Xã **Tân-Vĩnh-Hòa**
Conseillers communautaires du village de

SADEC, ngày **8** tháng **9** năm **1965**
le
Quận - Trưởng
Délégué Administratif



TRÍCH Y BẢN CHÁNH

Tân-Vĩnh-Hòa ngày **8** tháng **9** năm **1965**
le
Chủ Tịch Kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VINH-LONG

Quận Châu-Thành

Xã Tân-an

TRÍCH-LỤC

chứng-thư hôn-thú

Số hiệu : 2

Tên họ người chồng Lê-Quang-Viêng

nghề-nghiệp Thượng-Sĩ Không-Quân, Việt-Nam

sinh ngày Hai mươi tháng bảy năm mười ba (1933)

tại Xã Tân-an, (Vinh-long)

cư-sở tại Căn cứ Không - Quân Tân Sơn-Nhất.

tạm-trú tại 475 Đường Võ-đi-Nguy, Phú-Nhượng, (Gia-Định)

Tên họ cha chồng Lê -Quang-Kính (sống) 54 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn-thị-Lựu (sống) 49 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Phạm-thị-Sang

nghề-nghiệp Giáo-Viên

sinh ngày Mười tháng chạp năm mười lăm (1935)

tại Xã Phú-Huê, (Vinh-long)

cư-sở tại Xã Tân-Vĩnh-Hòa, Sàđéc, (Vinh-long)

tạm-trú tại 95/2 Đường Nguyễn-Tri-Phương, Sàđéc.

Tên họ cha vợ Phạm-Tòng-Bá (sống) 64 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Thị (sống) 62 tuổi
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày mười tám tháng Giêng năm 1964

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày ---- tháng ---- năm ----

tại ----

NHẬN-THỤ

Chữ ký tên của Hội Đồng-
Xã Tân-an ngay đây..

Vinh-long ngày 4-4-1964

TL. Quận-Trưởng

Phó. Quận-Trưởng

Trích y bốn chánh

Tân-an ngày 4- tháng 4 năm 1964

CHỨNG-THẬT

Hội Đồng-Xã

XÃ

TÂN-AN

TRẦN-VĂN-LAN

PHẠM-VĂN-NGUYỄN

NGUYỄN-VĂN-NIÊN



UNITED STATES AIR FORCE



Certifies that

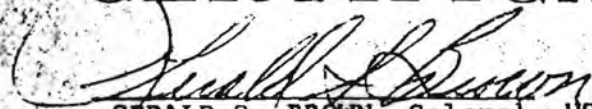
WARRANT OFFICER LE QUANG VIENG

has successfully completed the

30BR4041 AVIONICS OFFICER (PDS CODE: M31) (
LOWRY TECHNICAL TRAINING CENTER, LOWRY AIR FORCE BASE, COLORADO)

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING



GERALD S. BROWN, Colonel, USAF
Chief, Dept of Avionics Training



31 AUGUST 1973

Date

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 10/26/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ OHP/Date _____
☐ Membership; Letter